

CÔNG TY CỔ PHẦN ECO THÁI BÌNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ECO THÁI BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAIBINH ECO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108472713

3. Ngày thành lập: 15/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 04 – TT6.2, Khu chức năng đô thị tại Ao Sào, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913037885

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
2.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
5.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
6.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
9.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
10.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
11.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
12.	Trồng cây hàng năm khác	0119
13.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
17.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
18.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
22.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
23.	Cho thuê xe có động cơ	7710
24.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
25.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
26.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
27.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29.	Trồng cây cao su	0125
30.	Trồng cây chè	0127
31.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
32.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
33.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
34.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
35.	Chăn nuôi khác	0149
36.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
37.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
38.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
39.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669
40.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;	4773
41.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn quan trắc môi trường; Đánh giá tác động môi trường	7490(Chính)
42.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
43.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
44.	In ấn	1811
45.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
48.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
49.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122

50.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình thủy	4291
53.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
55.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
58.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
59.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
60.	Trồng cây hồ tiêu	0124
61.	Trồng cây cà phê	0126
62.	Bán buôn thực phẩm	4632
63.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
64.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
65.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
66.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
67.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
68.	Trồng cây ăn quả	0121
69.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
70.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
71.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
72.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
73.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
75.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
76.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động bán buôn vàng)	4662
77.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
78.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
79.	Lập trình máy vi tính	6201

80.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
81.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
82.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
83.	Điều hành tua du lịch	7912
84.	Trồng cây điều	0123
85.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
86.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
87.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
88.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
90.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
91.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
92.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
93.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
94.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
95.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ hóa chất Nhà nước cấm)	2011
96.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
97.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
98.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
99.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
100.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
101.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
102.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
103.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
104.	Thu gom rác thải độc hại	3812
105.	Bán buôn đồ uống	4633
106.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
107.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
108.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
109.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
110.	Trồng lúa	0111
111.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

112.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
113.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
114.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
115.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
116.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
117.	Chăn nuôi gia cầm	0146
118.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
119.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	8299
120.	Xây dựng nhà để ở	4101
121.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
122.	Xây dựng công trình điện	4221
123.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
124.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
125.	Phá dỡ	4311
126.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
127.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
128.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
129.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;	7911

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM VĂN HÙNG	Thôn An Phú, Xã Quỳnh Hải, Huyện Quỳnh Phú, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	480.000	4.800.000.000	80,000	034078001214	
			Tổng số	480.000	4.800.000.000	80,000		

2	NGUYỄN VĂN TÂN	Số 1 hẻm 101/39/7 đường Thanh Nhàn, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	10,000	034080002587	
			Tổng số	60.000	600.000.000	10,000		
3	VŨ ĐỨC HOÀNG	P402 – K10 Đô thị Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	10,000	034073004401	
			Tổng số	60.000	600.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/06/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034078001214

Ngày cấp: 06/04/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn An Phú, Xã Quỳnh Hải, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn An Phú, Xã Quỳnh Hải, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội